

Bản án số: 15/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 16/7/2024

“*V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Bình và Bà Hoàng Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Rơ Châm H (tên gọi khác Rơ Châm H1), sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn I, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

-Bị đơn: Anh Rơ Châm B, sinh năm 1985

NƠ ĐKKHKT: Thôn I, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Làng M, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Người phiên dịch: Bà Rơ Châm U, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2023, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Rơ Châm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Rơ Châm H và anh Rơ Châm B tự nguyện tìm hiểu và được gia đình tổ chức đám cưới từ năm 2006, đến năm 2010 chị với anh B mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh B đi uống rượu rồi về nhà gây chuyện chửi bới chị, rồi lấy thuốc uống tự tử nhiều lần, ngoài ra anh B còn dọa chị nhảy lầu tự tử. Chị không chịu đựng được nên đến tháng 8/2023 chị đã nhờ thôn làng giải quyết cho chị ly hôn theo luật làng để chị và anh B tự suy nghĩ, tuy nhiên chưa được một tháng thì anh B lấy vợ mới mà chưa ly hôn với chị. Từ đó đến nay vợ chồng chị không còn chung sống với nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Rơ Châm B.

Về con chung: Chị Rơ Châm H và anh Rơ Châm B có 02 con chung là Rơ Châm G, sinh ngày 20/9/2007 và Rơ Châm V, sinh ngày 06/02/2011.

Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi trực tiếp cả 02 con chung, vì từ khi vợ chồng chị sống ly thân thì chị nuôi cả 02 con chung, anh B không quan tâm gì đến các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị, mỗi con là 300.000 đồng/tháng (02 con là 600.000 đồng/tháng)

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Rơ Châm H không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị Rơ Châm H không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là anh Rơ Châm B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh B không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của anh B đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Rơ Châm H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Rơ Châm B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Rơ Châm H và anh Rơ Châm B tự nguyện tìm hiểu và được gia đình tổ chức đám cưới từ năm 2006, đến ngày 23/01/2010 chị với anh B mới đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 08 do Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai cấp. Nền hôn nhân giữa chị H và anh B là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Quá trình chung sống, chị Rơ Châm H cho rằng chị và anh B sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh B đi uống rượu rồi về nhà gây chuyện chửi bới chị, anh B lấy thuốc uống tự tử nhiều lần. Chị không chịu đựng được nên đến tháng 8/2023 chị đã

nhờ thôn làng giải quyết cho chị ly hôn theo luật làng để chị và anh B tự suy nghĩ, tuy nhiên chưa được một tháng thì anh B lấy vợ mới, từ đó vợ chồng không còn chung sống với nhau. Vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Rơ Châm B.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh B không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án cho thấy anh B đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hàn gắn tình cảm với chị H và chính quyền địa phương cũng xác nhận chị H và anh B đã sống ly thân, chị H và anh B đã được già làng giải quyết cho ly hôn theo phong tục của người Jrai. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh B đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh.

- Về con chung: Chị Rơ Châm H và anh Rơ Châm B có 02 con chung là Rơ Châm G, sinh ngày 20/9/2007 và Rơ Châm V, sinh ngày 06/02/2011.

Ly hôn chị Rơ Châm H có nguyện vọng được nuôi trực tiếp cả 02 con chung.

Tại bản tự khai của các cháu Rơ Châm G và Rơ Châm V trình bày: Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét yêu cầu của chị H và nguyện vọng của các cháu thấy rằng: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân, chị H là người nuôi trực tiếp cả 02 con chung, chị H vẫn đảm bảo cho sự phát triển bình thường về mọi mặt của con. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh B không lên Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị, mỗi con là 300.000 đồng/tháng (02 con là 600.000 đồng/tháng).

Xét yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con của chị H thấy rằng: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, do đó căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Mặt khác các con chung của chị H và anh B đang ở độ tuổi đi học, do đó để các con học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của các con thì yêu cầu của chị H buộc anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng 300.000 đồng/01 con/tháng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này, buộc anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung cho chị H với mức cấp dưỡng 300.000 đồng/01 con/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung khác: Chị Rơ Châm H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị Rơ Châm H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Rơ Châm B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Rơ Châm H (tên gọi khác Rơ Châm H1) được ly hôn với anh Rơ Châm B.

-Về con chung: Giao hai cháu Rơ Châm G, sinh ngày 20/9/2007 và Rơ Châm V, sinh ngày 06/02/2011 cho chị Rơ Châm H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Rơ Châm B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con cho chị Rơ Châm H với mức cấp dưỡng là 300.000 đồng/01con/tháng (02 con là 600.000 đồng/tháng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị Rơ Châm H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0008165 ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Anh Rơ Châm B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- UBND xã Ia Mơ nông;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Hòa